

Bản án số: **120 /2022/HNGĐ-ST**

Ngày 05/8/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Phú - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 05/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh BG

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh BG.

Hiện nay đang đi lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/12/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND

xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh BG. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu và không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, năm 2018 anh B bỏ đi lao động Đài Loan theo đường du lịch và ở Đài Loan từ đó đến nay, chị và anh B không còn liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm không còn chị đề nghị Tòa án giải Quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt Phương, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Nhã Nam, sinh ngày 07/9/2012 hiện nay đang ở với chị Q, ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải Quyết.

* Bị đơn là anh B hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo Q định của pháp luật đối với anh B đến nay Tòa án không nhận được thông tin gì từ anh B. Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của anh B là bà Phan Thị Thập, sinh năm 1953. Địa chỉ; thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, bà có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của anh B có địa chỉ như trên, hiện nay anh B đang đi lao động tại nước ngoài và vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh B ở nước ngoài thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo để anh B gửi quan điểm về thì gia đình bà từ chối thực hiện. Về việc chị Q xin ly hôn thì anh B không có quan điểm trao đổi với bà nên và không có ý kiến gì cung cấp cho Tòa án. Vợ chồng anh B chị Q mâu thuẫn như thế nào bà không biết. Về con chung: anh B và chị Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt Phương, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Nhã Nam, sinh ngày 07/9/2012. Trước đây do bà nuôi dưỡng nhưng nay chị Q ở nhà thì các cháu đang ở cùng chị Q. Việc chị Q anh B ly hôn, chị Q đề nghị được nuôi con chung, anh B không trao đổi gì nên bà cũng không có ý kiến gì cung cấp cho Tòa án.

Tiến hành làm việc với các con của chị Q anh B trường hợp anh, chị ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với ai.

Cháu Nguyễn Việt Phương trình bày: Cháu không trình bày và không có ý kiến gì.

Cháu Nguyễn Nhã Nam trình bày: Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Q.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Q xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Nguyễn Văn B vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải Quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng Q định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành Q định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải Quyết cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh B. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Việt Phương, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Nhã Nam, sinh ngày 07/9/2012 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải Quyết. Tài sản chung, công nợ: không xem xét giải Quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm Qền giải Quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Q là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải Quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn B. Bị đơn anh B là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 8832/QLXNC-P5 ngày 09/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh B đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 14/4/2018, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh B. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Q định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm Qền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm Qền giải Quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG, theo Q định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh B theo Q định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh

hưởng quá trình giải Quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Q, anh B.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn Văn B có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/12/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh BG. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Nguyễn Thị Q và anh B mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo Q định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Q và anh B đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các Q định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

[4]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Q đề nghị được nuôi 02 con chung. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải Quyết vụ án anh B không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Con chung đang ở ổn định với chị Q. Vì vậy để đảm bảo Quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Việt Phương, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Nhã Nam, sinh ngày 07/9/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải Quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có Quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo Q định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị Q không đề nghị Tòa án giải Quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Q định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được Quyền kháng cáo bản án theo Q định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Q định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Nguyễn Việt Phương, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Nhã Nam, sinh ngày 07/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo Q định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không đặt ra giải Quyết.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có Qền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo Q định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000373 ngày 21/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh BG.

4. Về Qền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn B hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có Qền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo Q định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Q cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có Qền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo Q định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Q định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qền thoả thuận thi hành án, Qền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG
- UBND xã Chu Điện, huyện Lục Nam
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường